

Thú ăn thịt (Carnivora) ở Vườn Quốc gia U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang

Hoàng Trung Thành^{1,*}, Phạm Trọng Ảnh², Hoàng Văn Chính³

¹*Khoa Sinh học, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN, 334 Nguyễn Trãi, Hà Nội, Việt Nam*

²*Phòng Động vật có xương sống, Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật, 18 Hoàng Quốc Việt, Hà Nội, Việt Nam*

³*Vườn Quốc gia U Minh Thượng, Kiên Giang*

Nhận ngày 28 tháng 4 năm 2008

Tóm tắt. Vườn Quốc gia U Minh Thượng thuộc tỉnh Kiên Giang là một trong những khu bảo vệ có tính đa dạng sinh học cao nhất khu vực đồng bằng sông Cửu Long với 243 loài thực vật, 201 loài côn trùng, 66 loài cá, 7 loài ếch nhái, 34 loài bò sát, 170 loài chim và 32 loài thú.

Nghiên cứu được thực hiện nhằm góp phần đánh giá hiện trạng và bổ sung dẫn liệu về các loài thú ăn thịt trong khu vực. Kết quả đã ghi nhận được ở Vườn Quốc gia U Minh Thượng có 10 loài thú ăn thịt thuộc 4 họ. Trong số đó có 4 loài được xếp trong Sách Đỏ Việt nam 2007, 7 loài có trong Nghị định 32/2006/ND/CP của Chính phủ. Một số loài rất hiếm trong cả nước cũng có ở đây như Rái cá lông mũi *Lutra sumatrana*, Rái cá vuốt bé *Aonyx cinerea*, Mèo cá *Prionailurus viverrinus*, Cây giông đóm lớn *Viverra megaspila*. Động vật hoang dã ở Vườn Quốc gia U Minh Thượng đang phải đối mặt với một số đe dọa, trong đó chủ yếu là cháy rừng, săn bắn và các hoạt động du lịch.

Từ khóa: Thú ăn thịt, hiện trạng, U Minh Thượng.

1. Đặt vấn đề

Vườn Quốc gia U Minh Thượng thuộc địa phận xã An Minh Bắc - huyện An Minh và xã Minh Thuận - huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang, nằm ở tọa độ 9°31' - 9°39' N, 105°03' - 105°07' E với tổng diện tích 8.053 ha. ở phía Bắc của một vùng đầm lầy than bùn rộng lớn thuộc hai tỉnh Kiên Giang và Cà Mau, VQG U Minh Thượng nằm trong vùng ngập nước ngọt,

bao gồm rừng trên đất than bùn, trảng cỏ ngập nước theo mùa và vùng đầm lầy trũng [1].

VQG U Minh Thượng được đánh giá là có tính đa dạng sinh học cao nhất khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long. Hiện đã xác định ở đây có 243 loài thực vật, 201 loài côn trùng, 7 loài ếch nhái, 34 loài bò sát, 170 loài chim [2], 66 loài cá [3].

Cho đến nay, riêng về thú đã xác định được ở đây có 32 loài thuộc 12 họ, 8 bộ [2,4,5].

Nghiên cứu được tiến hành nhằm góp phần đánh giá hiện trạng, bổ sung dẫn liệu về các loài

* Tác giả liên hệ. ĐT: 84-4-8582331.
E-mail: thanhht_ksh@vnu.edu.vn

thú ăn thịt, đặc biệt là các loài thuộc họ Cây (Viverridae) có trong khu vực.

2. Tư liệu và phương pháp nghiên cứu

Điều tra khảo sát: Khảo sát được thực hiện trong 12 ngày trong khoảng thời gian từ 16/08 đến 27/08/2007 trên các sinh cảnh chính của VQG.

Trong quá trình khảo sát có sử dụng các phương pháp điều tra theo tuyến, soi đêm, phỏng vấn và đặt bẫy lồng (kích thước 1,2x0,5x0,4m). Tuy nhiên do thời gian đặt bẫy không được nhiều nên chưa thu được mẫu vật.

Kết quả nghiên cứu được tổng hợp qua những dẫn liệu thu được từ thực địa kết hợp với việc đối chiếu, tham khảo các công trình khoa học đã công bố có liên quan [2,4-6], kết quả các đợt nghiên cứu trước (2000, 2004, 2005 – Phạm Trọng Ảnh). Hệ thống phân loại theo Corbet and Hill 1992 [7].

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Thành phần loài

Qua khảo sát điều tra và tổng hợp tài liệu đã ghi nhận ở Vườn Quốc gia U Minh Thượng có 10 loài thú ăn thịt thuộc 4 họ (bảng 1).

Bảng 1. Danh sách các loài thú ăn thịt ở Vườn Quốc gia U Minh Thượng

STT	Bộ - Họ - Loài		Độ quý hiếm		Nguồn thông tin
	Tên Việt Nam	Tên khoa học	SD 2007	ND32	
	BỘ ĂN THỊT		CANIVORA		
	Họ Chồn		Mustelidae		
1.	Rái cá vuốt bé	<i>Aonyx cinerea</i> (Illiger, 1815)	VU	IB	QS
2.	Rái cá lông mũi	<i>Lutra sumatrana</i> (Gray, 1865)	EN	IB	M
	Họ Cây		Viveridae		
3.	Cây vòi hương	<i>Paradoxurus hermaphroditus</i> (Pallas, 1777)			QS
4.	Cây giông đốm lớn	<i>Viverra megaspila</i> Blyth, 1862	VU	IIB	[2]
5.	Cây giông	<i>Viverra zibetha</i> (Linnaeus, 1758)		IIB	PV, [2, 6, 2]
6.	Cây hương	<i>Viverricula indica</i> (Desmarest, 1817)		IIB	PV, [2, 6, 2]
	Họ Cây lòn		Herpestidae		
7.	Cây móc cua	<i>Herpestes urva</i> (Hodgson, 1836)			[6, 2]
8.	Cây lòn	<i>Herpestes javanicus</i> (Geoffroy, 1818)			[6, 2]
	Họ Mèo		Felidae		
9.	Mèo rừng	<i>Prionailurus bengalensis</i> (Kerr, 1792)		IB	M
10.	Mèo cá	<i>Prionailurus viverrinus</i> Bennett, 1833	EN	IB	M

Độ quý hiếm: SD 2007 – Sách Đỏ Việt Nam 2007, phần Động vật [8]

VU - Vulnerable (Sẽ nguy cấp) EN - Endangered (Nguy cấp)

ND 32 - Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm (Ban hành theo nghị định 32/2006/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ) [9]

IB: Nghiễm cầm khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại

IIB: Hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại

Nguồn thông tin: QS – quan sát, TL – Tài liệu; PV – phỏng vấn; M – mẫu

Như vậy Vườn Quốc gia U Minh Thượng có số loài thú ăn thịt chiếm 25,6% tổng số loài thú ăn thịt của Việt Nam (10/39), cao nhất trong các vườn quốc gia và khu bảo tồn ở đồng bằng sông Cửu Long, nhưng ít hơn nhiều so với các vùng khác của cả nước (so với 22 loài ở vùng núi Tà Đùng [10] thuộc Tây Nguyên, 27 loài ở

VQG Phong Nha – Kẻ Bàng [11] thuộc miền Trung, 22 loài ở KBTN Hữu Liên [12]. Tuy nhiên số lượng cá thể của một số loài thú ở đây lại tương đối cao so với các vùng khác, đặc biệt là một số loài quý hiếm như Rái cá vuốt bé, Rái cá lông mũi, Mèo cá, Cây giông đốm lớn.

3.2. Giá trị bảo tồn và hiện trạng một số loài thú ăn thịt tại VQG U Minh Thượng

Trong số 10 loài thú ăn thịt đã được xác định ở Vườn Quốc gia U Minh Thượng, 4 loài có trong Sách Đỏ Việt Nam 2007, 7 loài có trong Danh mục các loài thực vật rừng, động vật rừng quý hiếm cần được bảo vệ của Chính phủ [9]. Cụ thể:

* Rái cá vuốt bé – *Aonyx cinerea* (Illiger, 1815), tiếng địa phương gọi là “Rái cá cù”: được xếp trong Sách Đỏ Việt Nam 2007 ở mức VU và NĐ32/2006/NĐ-CP ở nhóm IB.

Rái cá vuốt bé có phân bố rộng trên toàn quốc, tuy nhiên chúng sống rải rác theo đàn chỉ 4 – 5 cá thể. Ở U Minh Thượng và các vùng lân cận loài này tương đối phổ biến [2]. Trong đợt khảo sát tháng 8/2007 đã 3 lần chúng tôi gặp rái cá vuốt bé trên đường từ trụ sở VQG đi hồ Hoa Mai, tọa độ N09036’52,6’’; E105005’48,4’’. Tìm hiểu qua một số người dân và qua khảo sát cho thấy Rái cá vuốt bé tương đối phổ biến trong khu vực và có số lượng cá thể cao, mỗi đàn có 10 – 20 cá thể.

* Rái cá lông mũi - *Lutra sumatrana* (Gray, 1865), tiếng địa phương gọi là “Rái cá vuốt”: được xếp trong Sách Đỏ Việt Nam 2007 ở mức EN và NĐ32/2006/NĐ-CP ở nhóm IB.

Rái cá lông mũi là một trong số những loài thú quý hiếm trên thế giới, hiện nay chỉ có Thái Lan và Việt Nam có bằng chứng trực tiếp về sự xuất hiện của loài này [2]. Cho đến thời điểm trước năm 2000, Rái cá lông mũi được cho là tuyệt chủng ở Việt Nam. Tháng 3-2000, đoàn cán bộ nghiên cứu của dự án CARE đã ghi nhận và thu được ảnh của loài này ở Vườn Quốc gia U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Đây là nơi đầu tiên phát hiện lại rái cá lông mũi ở Việt Nam [2]. Số lượng cá thể ít hơn Rái cá vuốt bé, mỗi đàn chỉ có từ 3 – 5 cá thể.

* Cây giông đóm lớn - *Viverra megaspila* Blyth, 1862, tiếng địa phương gọi là “Cáo ngựa”: được xếp trong Sách Đỏ Việt Nam 2007 ở mức VU, NĐ32/2006/NĐ-CP xếp ở nhóm IB.

Ở Việt Nam, Cây giông đóm lớn có phân bố ở các tỉnh phía nam. Cho đến nay đã ghi nhận được chúng ở Tây Ninh, TP. Hồ Chí Minh [13], Đắk Lắk, Lâm Đồng, Đồng Nai, Kiên Giang [14]. Trong vùng phân bố của Cây giông đóm lớn, các ghi nhận trước đây chỉ phát hiện được chúng ở rừng thường xanh, một số ở rừng cây lá dầu rụng lá, một số ở rừng đã bị tàn phá [15]. Ngoài các dạng sinh cảnh trên, ở Đồng bằng sông Cửu Long đã phát hiện cây giông đóm lớn trong hệ sinh thái rừng tràm – một dạng đất ngập nước [2]. Chúng tỏ Cây giông đóm lớn có thể sống ở nhiều dạng sinh cảnh khác nhau. Tuy nhiên số lượng cá thể của loài này trong vùng còn tương đối ít và quần thể Cây giông đóm lớn ở VQG U Minh Thượng có thể là rất nhỏ, ít được ghi nhận ở trong vùng.

* Mèo cá - *Prionailurus viverrinus* Bennett, 1833, tiếng địa phương gọi là “Cáo cộc”: Sách Đỏ Việt Nam 2007 xếp ở mức EN và NĐ32/2006/NĐ-CP ở nhóm IB.

Đây là loài thú rất hiếm trong toàn quốc, từ trước đến nay mới chỉ một vài lần ghi nhận được ở Tây Ninh [13], Khánh Hòa, TP. Hồ Chí Minh [14,16], Cao Bằng, Kiên Giang (Phạm Trọng ảnh, 2000). Tuy nhiên loài này lại rất phổ biến ở VQG U Minh Thượng. Năm 2000 dự án CARE đã thu được một số hình ảnh và mẫu vật của loài này [2]. Trong đợt khảo sát tháng 8/2007 đã ghi nhận dấu vết của Mèo cá ở nhà dân gần kênh số 8 (N09038’33,9’’, E 105006’20,5’’), trong tháng 4/2007 máy ùi trong khi làm việc đã đè chết 01 mèo cá còn non ở khu vực này. 10/8/2007 một người dân ở kênh số 2 đã bẫy được 02 mèo cá. Như vậy chúng tỏ Mèo cá rất phổ biến ở VQG U Minh Thượng và hiện đây là quần thể lớn nhất của loài này được ghi nhận ở Việt Nam.

Ngoài ra còn có 3 loài khác cũng được xếp trong Danh mục các loài thực vật rừng, động vật rừng quý hiếm cần được bảo vệ của Chính phủ (NĐ32/ 2006/NĐ-CP) là Cây giông – *Viverra zibetha* (IIB), Cây hương – *Viverricula indica* (IIB), Mèo rừng – *Prionailurus bengalensis* (IB)

3.3. Những thách thức và nguyên nhân gây suy giảm đa dạng sinh học ở Vườn Quốc gia U Minh Thượng

Hiện nay môi đe dọa chủ yếu đối với đa dạng sinh học của VQG U Minh Thượng gồm cháy rừng, săn bắn và phát triển du lịch.

Trong khi cháy rừng là một đặc điểm tự nhiên của rừng tràm và xảy ra định kỳ hàng năm thì việc quản lý, kiểm soát chế độ thủy văn không phù hợp đã để mức nước kênh rạch quá thấp trong mùa khô nên thảm họa cháy rừng đã liên tiếp xảy ra năm 2002 [1]. Gần đây đã có một số biện pháp được tiến hành để giữ nước ở mức tương đối ổn định. Tuy nhiên nếu trữ nước liên tục thì có thể ảnh hưởng đến sự phát triển của cây tràm và hệ thủy sinh vật trong vùng.

Mối đe dọa thứ hai đối với đa dạng sinh học ở VQG U Minh Thượng là các hoạt động đánh bắt và bẫy các loài động vật một cách bất hợp pháp. Trong vùng lõi chủ yếu hoạt động đánh bắt cá ở vùng đệm đó là hoạt động bẫy, bắt các loài thú từ trong vùng lõi ra ngoài kiếm ăn và bắt gia cầm của dân, gồm các loài thú ăn thịt: cây lương, mèo rừng, mèo cá. Tuy nhiên hoạt động này cũng rất khó kiểm soát, chỉ sau khi người dân đã bẫy bắt và tiêu thụ trót lọt thì thông tin mới đến cơ quan chức năng.

Mối đe dọa thứ ba đối với đa dạng sinh học ở VQG U Minh Thượng là hoạt động du lịch. Ngoài việc phát triển cơ sở hạ tầng dành cho du lịch [1,5], hoạt động của khách du lịch cũng ảnh hưởng đến đa dạng sinh học của VQG. Hiện nay ngoài du khách đến tham quan còn có một số khách đến câu cá trong vùng lõi. Khi số khách này tăng lên, nếu không có biện pháp quản lý chặt chẽ có thể dẫn đến khai thác quá mức làm giảm sút sự đa dạng các loài cá trong vùng, đặc biệt lượng rác thải khách du lịch thải ra có thể gây ô nhiễm môi trường sống trong khu vực.

4. Kết luận

Cho đến nay đã ghi nhận ở Vườn Quốc gia U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang có 10 loài thú ăn thịt thuộc 4 họ, trong đó Họ Chồn – Mustelidae có 2 loài, Họ Cây – Viverridae có 4 loài, Họ Cây lòn – Herpestidae có 2 loài và Họ Mèo Felidae có 2 loài.

Trong số 10 loài thú ăn thịt ở đây có 4 loài được xếp trong Sách Đỏ Việt Nam 2007, 7 loài có trong Nghị định 32/2006 của Chính phủ, đặc biệt một số loài rất hiếm trên toàn quốc nhưng số lượng ở đây tương đối phong phú như Rái cá lông mũi *Lutra sumatrana*, Mèo cá *Prionailurus viverrinus*, Rái cá vuốt bé *Aonyx cinerea*, Cây giông đốm lớn *Viverra megaspila*.

Hiện nay các loài động thực vật hoang dã ở Vườn Quốc gia U Minh Thượng đang bị đe dọa suy giảm bởi một số nguyên nhân, trong đó chủ yếu là cháy rừng, săn bắt và hoạt động du lịch. Cần có biện pháp kiểm soát và quản lý chặt chẽ các vấn đề này.

Tài liệu tham khảo

- [1] Birdlife Indochina, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, *Thông tin các khu bảo vệ hiện có và đề xuất ở Việt Nam*, Tập 2, miền Nam Việt Nam, 2004.
- [2] CARE, *Biodiversity survey – U Minh Thuong National Park*, Vietnam, Agriculture Publishing House, 2004.
- [3] Nguyễn Kiên Sơn, Hồ Thanh Hải, Đa dạng về thành phần loài cá Vườn Quốc gia U Minh Thượng, *Những vấn đề nghiên cứu cơ bản trong Khoa học Sự sống*, Nxb KH&KT, Hà Nội, 2005, 264.
- [4] Phạm Trọng Ánh, Nguyễn Xuân Đặng, Nguyễn Trường Sơn, Đặc điểm khu hệ thú (Mammalia) trong hệ sinh thái rừng tràm ở Đồng bằng sông Cửu Long, *Những vấn đề nghiên cứu cơ bản trong Khoa học Sự sống*, Nxb KH&KT, Hà Nội, 2004, 749.
- [5] Lê Xuân Cảnh và nnk, Báo cáo đề tài “*Điều tra đánh giá hiện trạng tài nguyên sinh vật bổ sung và hoàn thiện cơ sở dữ liệu, đề xuất và kiến nghị*”

- việc quy hoạch và biện pháp quản lý hữu hiệu hệ thống khu bảo tồn thiên nhiên trên đất liền, Giai đoạn 3: Khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long”, 2007.
- [6] Phạm Trọng Ánh, Nguyễn Xuân Đặng, Nguyễn Trường Sơn, Đặc điểm khu hệ thú Đồng bằng sông Cửu Long, *Tạp chí Sinh học* 27, 4A (2005) 11.
- [7] G. B. Corbert, J. E. Hill, *The mammals of the Indomalayan region: A systematic review*, Oxford University Press, New York, 1992.
- [8] Bộ Khoa học và Công nghệ, *Sách Đỏ Việt Nam, Phần Động vật*. NXB KH&KT, Hà Nội 2007.
- [9] Chính phủ nước CHXHCNVN, *Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm* (Ban hành theo Nghị định 32/2006/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ), 2006.
- [10] Đặng Huy Huỳnh, Lê Xuân Cảnh, Nguyễn Xuân Đặng, Hoàng Minh Khiên, Phạm Trọng Ánh, Trần Văn Thắng, Đặng Huy Phương, Khu hệ thú (mammalia) vùng núi Tà Đùng huyện Đắk Nông -Đắk Lắk, *Tạp chí Sinh học* 22A, 1B (2000), 99.
- [11] Nguyễn Nghĩa Thìn, Lê Vũ Khôi, Nguyễn Xuân Huân, Nguyễn Xuân Quỳnh, Nguyễn Văn Quảng, Ngô Sĩ Vân, Đặng Thị Đáp, Đánh giá tính đa dạng sinh học ở Vườn Quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng tỉnh Quảng Bình, *Những vấn đề nghiên cứu cơ bản trong Khoa học Sự sống*. Nxb KH&KT, Hà Nội, 2004, 236.
- [12] Đặng Ngọc Cẩn, Nguyễn Xuân Đặng, Nguyễn Trường Sơn, Đa dạng sinh học của khu hệ thú ở Hữu Liên – Lạng Sơn, *Tạp chí Sinh học* 22A, 1B (2000) 117.
- [13] Osgood h. Wilfred, *Mammals of the Kelly-Rosevelts and Delacour Asiatic Expedition, Zoological series XVIII, 10 (1932)*, Chicago, USA.
- [14] Đặng Huy Huỳnh, Cao Văn Sung, Đào Văn Tiên, Phạm Trọng Ánh, Hoàng Minh Khiên, *Danh lục các loài thú (Mammalia) Việt Nam*, NXB Kh & KT, Hà Nội, 1994.
- [15] J. Lynam, Myint Maung, Saw Htoo Tha Po and J. W. Duckworth, Recent records of Large-sported civet *Viverra megaspila* from Thailand and Myanmar, *The Newsletter and Journal of the IUCN/SSC Small Carnivore Specialist Group* 32 (2005) 8.
- [16] P.F.D. Van Peenen, *Preliminary Identification Manual for Mammals of South Vietnam*, Smithsonian Institution Press, Washington, 1969.

Carnivores in U Minh Thuong National Park, Kien Giang province

Hoang Trung Thanh¹, Pham Trong Anh², Hoang Quoc Chinh³

Faculty of Biology, College of Science, VNU, 334 Nguyen Trai, Hanoi, Vietnam

²*Department of Vertebrate, Institute of Ecology and Biological Resources*

³*U Minh Thuong National Park, Kien Giang province*

U Minh Thuong National Park located in Kien Giang province is the highest biodiversity in Me Kong River Delta with 243 plant species, 201 insect species, 7 amphibian species, 34 reptilian species, 170 bird species and 66 fish species.

Research have conducted to assess status of carnivores and supplement data on carnivores in the area, emphasized on viverrids. Results have recognized in U Minh Thuong National Park 10 carnivore species belongs to 4 families, four of them are listed in Vietnam Red Data Book 2007, seven are listed in Government's Decree No. 32/2006/ND/CP. Some of them are rarest species in Vietnam, including Hairy-nosed otter *Lutra sumatrana*, Oriental small-clawed otter *Aonyx cinerea*, Fishing cat *Prionailurus viverrinus*, Large-sported civet *Viverra megaspila*. Wildlife in U Minh Thuong National Park are facing with many threats, major are forest fire, hunting and tourism.

Keywords: Carnivores, status, U Minh Thuong.